

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HC-ST

Ngày: 12/9/2025

Về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Chiến

Bà Đinh Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: bà Chu Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLST-HC ngày 05/5/2025 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST-HC ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số nhà H, thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Số điện thoại: 0911 536 592. Vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện D. Địa chỉ: Số nhà D đường T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Đình T1, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số nhà E, Thôn A, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Số điện thoại: 0387264627 – 0989655240. Có mặt.

NỘI DUNG

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của người khởi kiện trình bày:**

Ông T được UBND huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 ngày 13/9/2006, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H

theo Hợp đồng 144/2006 tại thửa 578, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 5.301 m² CLN tại xã Đ.

Tháng 4/2024, ông T làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận số AE 274311 nêu trên thì được biết diện tích đất mà ông đang quản lý sử dụng đã trùng lên phần diện tích của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 do UBND huyện D cấp ngày 27/5/2014 cho ông Hoàng Đình T1 – bà Lê Thị N1, nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Đào Cao K năm 2014 tại thửa 661, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 13.383 m² CLN tại xã Đ đang quản lý sử dụng.

Do đó ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 do UBND huyện D cấp ngày 13/9/2006 cho ông Đặng Văn T đối với thửa 578, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 5.301 m² CLN tại xã Đ.

- Huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 do UBND huyện D cấp ngày 27/5/2014 cho ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N đối với thửa số 661, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 13.383 m² CLN tại xã Đ.

** Theo trình bày của đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện – Ủy ban nhân dân huyện D:*

1. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động liên quan đến GCNQSD đất số AE 274311 ngày 13/9/2006

Ông Trần Văn L được UBND huyện D cấp GCN QSDĐ số AB 405708 cấp ngày 28/01/2005, vào sổ theo dõi số H 03924 tại thửa đất số 578 tờ bản đồ 43 xã Đ, diện tích 5.031m² CLN (trên cơ sở Hợp đồng số 548/HĐCN do UBND huyện phê duyệt ngày 14/6/2004).

Ông Trần Văn L chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Đặng Văn T theo số 144/HĐ-CN, được UBND xã Đ chứng thực ngày 29/6/2006. Ngày 13/9/2006, ông Đặng Văn T đã được UBND huyện D cấp GCN QSDĐ số AE 274311 tại thửa đất số 578 tờ bản đồ 43 xã Đ, diện tích 5.031m² CLN.

2. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký biến động liên quan đến GCNQSD đất số BU 438884 ngày 27/5/2014

Ngày 23/4/2014, ông Hoàng Đình T1 và bà Nguyễn Thị N được UBND huyện D cấp các GCNQSDĐ gồm:

+ GCN số BS 734974, vào sổ theo dõi số CH 09776 tại thửa đất số 253 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 5.300m² CLN.

+ GCN số BS 734975, vào sổ theo dõi số CH 09776 tại thửa đất số 242 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 1.800m² CLN.

+ GCN số BS 734976, vào sổ theo dõi số CH 09775 tại thửa đất số 240 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 4.943m² CLN. + GCN số BS 734977 vào sổ theo dõi số CH 09773 tại thửa đất số 241 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 1.340m² CLN.

Ngày 25/4/2025, ông Hoàng Đình T1 có đơn đề nghị hợp các thửa đất nêu trên để tiện quản lý sử dụng và được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận nội dung hợp thành thửa 661 tờ bản đồ 43 diện tích 13.383m² CLN.

Ngày 27/5/2014, ông Hoàng Đình T1 và bà Nguyễn Thị N đăng ký cấp đổi các GCN QSDĐ sau khi hợp thửa và được UBND huyện D cấp đổi thành GCN QSDĐ số BU 438884 ngày 27/5/2014 tại thửa đất số 661 tờ bản đồ 43 diện tích 13.383m² CLN, xã Đ vào sổ theo dõi số CH 09897.

3. Quan điểm của UBND huyện D

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 ngày 13/9/2006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 ngày 27/5/2014 và thủ tục đăng ký biến động liên quan đến 02 GCNQSD đất nêu trên được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định Luật đất đai năm 2003, 2013 và trên cơ sở bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 (bản đồ 299).

Việc ông Đặng Văn T khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về đất đai đối các với giấy chứng nhận nêu trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Ông Hoàng Đình T1 và bà Nguyễn Thị N được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 ngày 27/5/2014 đối với thửa 661, tờ bản đồ 43, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Nguồn gốc diện tích đất trên ông bà nhận chuyển nhượng của ông Đào Cao K năm 2014. Khi nhận chuyển nhượng thì ông K đã được UBND huyện D cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổng diện tích 13.383 m², sau khi nhận chuyển nhượng thì ông T1 bà N thực hiện thủ tục cấp đổi sổ và được cấp đổi thành Giấy chứng nhận BU 438884 ngày 27/5/2014 như hiện nay.

Từ khi nhận chuyển nhượng đến nay thì ông bà sử dụng đất ổn định, có ranh giới, hàng rào và cọc mốc rõ ràng, không có tranh chấp với ai. Ông Đặng Văn T là người sử dụng đất giáp ranh từ trước khi ông T1 nhận chuyển nhượng diện tích đất trên. Quá trình hai bên sử dụng đất cũng không có tranh chấp.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận BU 438884 ngày 27/5/2014 nêu trên thì ông T1 bà N đề Tòa án thu thập, xác minh, trong trường hợp giấy chứng nhận cấp không đúng thực tế sử dụng đất thì ông bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận để ông bà liên hệ UBND huyện D cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với thực tế sử dụng đất của các bên.

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; không tổ chức đối thoại được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ

án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của người khởi kiện, của người bị kiện, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và các văn bản pháp luật có liên quan; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ban hành thông báo Ngân hàng Đ (B) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, theo văn bản số 259/BIDV-BL ngày 18/8/2025 của Ngân hàng Đ (B) – Chi nhánh B1 đã xác nhận ngày 14/8/2025 ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N đã trả hết phần nợ vay của tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884. Do đó, cần xác định lại Ngân hàng Đ (B) – Chi nhánh B1 không phải là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Thông báo số 35/TB-UBND ngày 25/4/2024 của UBND xã Đ, ông Đặng Văn T được biết diện tích đất mà gia đình ông Đặng Văn T và gia đình ông Hoàng Đình T1 đang quản lý sử dụng không đúng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

Ngày 15/4/2025, ông Đặng Văn T có đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 do UBND huyện D cấp ngày 13/9/2006 cho ông Đặng Văn T đối với thửa 578, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 5.301 m² CLN tại xã Đ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 do UBND huyện D cấp ngày 27/5/2014 cho ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N đối với thửa số 661, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 13.383 m² CLN tại xã Đ.

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng Hành chính; xác định đối tượng khởi kiện là “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

[3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với thửa đất số 578 tờ bản đồ 43 xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng:

Ông Trần Văn L được UBND huyện D cấp GCN QSD đất số AB 405708 cấp ngày 28/01/2005, vào sổ theo dõi số H 03924 tại thửa đất số 578 tờ bản đồ 43 xã Đ, diện tích 5.031m² CLN (trên cơ sở Hợp đồng số 548/HĐCN do UBND huyện phê duyệt ngày 14/6/2004).

Ông Trần Văn L chuyển nhượng thửa đất nêu trên cho ông Đặng Văn T theo số 144/HĐ-CN, được UBND xã Đ chứng thực ngày 29/6/2006.

Ngày 13/9/2006, ông Đặng Văn T đã được UBND huyện D cấp GCN QSD đất số AE 274311 tại thửa đất số 578 tờ bản đồ 43 xã Đ, diện tích 5.031m² CLN.

[3.2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSD đất đối với thửa 661 tờ bản đồ 43 xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng:

Ngày 23/4/2014, ông Hoàng Đình T1 và bà Nguyễn Thị N được UBND huyện D cấp các GCNQSD đất gồm:

+ GCN số BS 734974, vào sổ theo dõi số CH 09776 tại thửa đất số 253 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 5.300m² CLN.

+ GCN số BS 734975, vào sổ theo dõi số CH 09776 tại thửa đất số 242 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 1.800m² CLN.

+ GCN số BS 734976, vào sổ theo dõi số CH 09775 tại thửa đất số 240 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 4.943m² CLN. + GCN số BS 734977 vào sổ theo dõi số CH 09773 tại thửa đất số 241 tờ bản đồ 43 xã Đ diện tích 1.340m² CLN.

Ngày 25/4/2025, ông Hoàng Đình T1 có đơn đề nghị hợp các thửa đất nêu trên và được Phòng T2 xác nhận nội dung hợp thành thửa 661 tờ bản đồ 43 diện tích 13.383m² CLN.

Ngày 27/5/2014, ông Hoàng Đình T1 và bà Nguyễn Thị N đăng ký cấp đổi các GCN QSDĐ sau khi hợp thửa và được UBND huyện D cấp đổi thành GCN QSDĐ số BU 438884 ngày 27/5/2014 tại thửa đất số 661 tờ bản đồ 43 diện tích 13.383m² CLN, xã Đ vào sổ theo dõi số CH 09897.

[3.3] Về thực tế quản lý, sử dụng đất:

- Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ông Đặng Văn T đang quản lý sử dụng có diện tích 4.972 m², thuộc một phần các thửa đất số 607, 253, tờ bản đồ 43, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (BL 59).

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 52-54) thể hiện:

- Về tứ cận thửa đất: phía Tây giáp đường đất; phía Đông giáp đất ông T1, ranh giới là hàng rào lưới B40, cọc bê tông; phía Nam giáp đất ông H1, ranh giới là hàng rào lưới B40, cọc bê tông; phía Bắc giáp đất ông H2, ranh giới là khoảng cách 02 hàng cà phê. Ranh giới sử dụng đất giữa các bên rõ ràng, ổn định, không có tranh chấp.

- Về hiện trạng trên đất trồng toàn bộ cây cà phê robusta mật độ chuẩn, đang trong thời kỳ kinh doanh; một vài cây chuối. Toàn bộ diện tích đất hiện do ông T canh tác, sử dụng.

Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ theo sự chỉ dẫn và xác định ranh giới, mốc giới của ông T, có sự chứng kiến của người liên quan bà Nguyễn Thị N, bà N trình bày: bà là người sử dụng đất liền kề với ông T, ranh giới sử dụng đất rõ ràng, ổn định, có hàng rào lưới B40, cọc bê tông; các bên không có tranh chấp với nhau.

- Theo Thông báo số 35/TB-UBND ngày 25/4/2024 của UBND xã Đ về giải quyết đơn xin thu hồi và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung:

“Hiện nay gia đình ông Đặng Văn T đang canh tác và sử dụng thửa đất số 578 (43) xã Đ diện tích là 5.301 m² CLN nguồn gốc sử dụng đất là nhận chuyển nhượng lại của ông Nguyễn Văn H từ năm 2006 và làm thủ tục sang nhượng và được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số hiệu AE 274311 cấp ngày 13/9/2006 theo quy định của pháp luật.

Gia đình ông Hoàng Đình T1 đang canh tác và sử dụng thửa đất số 661 (43) xã Đ diện tích là 13.383 m² CLN nguồn gốc sử dụng đất là nhận chuyển nhượng lại của ông Đào Cao K từ năm 2014 đã làm thủ tục sang nhượng và được UBND huyện D cấp giấy chứng nhận QSD đất số hiệu BU 438884 cấp ngày 27/5/2014 theo quy định của pháp luật.

Sau khi kiểm tra hiện trạng thực tế và đối chiếu với hồ sơ địa chính cho thấy vị trí sử dụng đất của hai hộ gia đình không đúng với giấy chứng nhận QSD đất đã được cơ quan nhà nước cấp. Cụ thể 1 phần diện tích trên giấy chứng nhận QSD đất BU 438884 của ông Hoàng Đình T1 thuộc quyền quản lý và sử dụng của gia đình ông Đặng Văn T và 1 phần diện tích trên giấy chứng nhận QSD đất AE 274311 của gia đình ông Đặng Văn T thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Hoàng Đình T1. Ranh giới sử dụng giữa 2 hộ gia đình sử dụng rõ ràng không tranh chấp và được phân biệt bằng hàng rào lưới B40 cụ thể rõ ràng.”

Như vậy, lời trình bày của người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất, phù hợp với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký huyện D và phù hợp với thực tế quản lý, sử dụng đất của các đương sự được chính quyền địa phương xác nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 do UBND huyện D cấp ngày 13/9/2006 cho ông Đặng Văn T đối với thửa 578, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 5.301 m² CLN tại xã Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 do UBND huyện D cấp ngày 27/5/2014 cho ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N đối với thửa số 661, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 13.383 m² CLN tại xã Đ. được cấp không đúng vị trí, diện tích thực tế sử dụng đất.

Do đó, căn cứ Điều 152 Luật đất đai năm 2024; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T; hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 3.887.817 đồng do ông Đặng Văn T nộp tạm ứng. Ông T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã được quyết toán xong.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T được chấp nhận nên buộc người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Đặng Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 164, Điều 191, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 152 của Luật đất đai năm 2024 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn T.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 274311 do UBND huyện D cấp ngày 13/9/2006 cho ông Đặng Văn T đối với thửa 578, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 5.301 m² CLN tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 438884 do UBND huyện D cấp ngày 27/5/2014 cho ông Hoàng Đình T1, bà Nguyễn Thị N đối với thửa số 661, tờ bản đồ 43 cũ, diện tích 13.383 m² CLN tại xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Đối với các giao dịch về quyền sử dụng đất nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng số tiền là 3.887.817 đồng. Ông Đặng Văn T đã nộp đủ và được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân H, tỉnh Lâm Đồng phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự;
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình